

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Thường.

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 16/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Bá T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Nhà số 71A, đường N, Phường 4, thành phố T, tỉnh L (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Nhà số 176, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của ông Lương Bá T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Lương Bá T trình bày: Vào năm 2010 ông với bà Y tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh L. Hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu khi cưới về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Sự việc xảy ra đã được gia đình giải quyết nhưng không có kết quả, hiện nay ông với bà Y đã sống ly thân trên 8 năm nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có người con chung tên Lương Thành A, sinh ngày 07/3/2010, giới tính nam. Hiện nay bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục giao cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lương Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lương Bá T cam kết không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Lương Bá T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 52/TB-TLVA ngày 27/5/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 86/TB-TA ngày 27/5/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 94/TB-TA ngày 13/6/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 106/TB-TA ngày 05/7/2019 đã tổng đạt theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng bà Y không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Lương Bá T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quyền nuôi con đối với bà Võ Thị Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Nhà số 176, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh L, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Y theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng bà Y không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho bà Y theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng bà Y không có mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà Y là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Lương Bá T với bà Võ Thị Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh L. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa ông Lương Bá T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với bà Võ Thị Y, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với bà Y. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông T với bà Y đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không

thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân trên 8 năm. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Bá T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa ông Lương Bá T đồng ý tiếp tục giao người con chung tên Lương Thành A, sinh ngày 07/3/2010, giới tính nam cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ông T với bà Y sống ly thân đến nay, bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu A phát triển bình thường như bao trẻ khác. Để ổn định tâm lý cũng như nguyện vọng của cháu An nên chấp nhận yêu cầu của ông T tiếp tục giao người con chung tên Lương Thành A, sinh ngày 07/3/2010 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Ông Lương Bá T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Lương Bá T cam kết không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Lương Bá T phải chịu tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Bá T đối với bà Võ Thị Y.

Về hôn nhân: Xử cho ông Lương Bá T ly hôn với bà Võ Thị Y.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Lương Thành A, sinh ngày 07/3/2010, giới tính nam cho bà Võ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lương Bá T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Lương bá T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007169 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Lương Bá T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông T báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Võ Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường 4, thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

